

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 10 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, cư trú tại: thôn 1 P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1976, cư trú tại: thôn 1 P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn, có làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 04/9/1997. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống tình cảm hạnh phúc, nhưng chỉ được khoảng 4 năm, đến năm 2001 từ khi vợ chồng vào miền Nam làm ăn thì tình cảm

vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 có tính rượu chè, chơi bời, gái gú, chị T khuyên ngăn thì bị anh T1 đánh chửi; Đến năm 2007 vợ chồng về quê sinh sống, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, Năm 2014 mâu thuẫn giữa vợ chồng càng căng thẳng, nặng nề, chị T đã đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, nhưng sau đó anh T1 xin chị tha thứ, nên chị đã rút đơn đề vợ chồng về ở đoàn tụ, nhưng đến tháng 3/2017 anh T đi làm tại Hà Nội lại đi chơi bời, gái gú, rồi không quan tâm đến vợ con, chị khuyên bảo thì anh T1 đánh đập, bới chửi. Do không chị đựng được tính cách của anh T1 nên từ cuối tháng 6/2017 chị bỏ về sống ở nhà mẹ đẻ, vợ chồng không còn quan tâm qua lại với nhau; Sau khi chị gửi đơn đến Tòa án thì anh T1 bỏ đi làm ăn mà không nói cho chị biết đi đâu, làm gì. Nay chị T xác định không còn tin tưởng anh T1, vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Thị C, sinh ngày 27/4/xxxx và cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 09/02/xxxx, hiện tại cả hai cháu C và T đều đang ở với chị T. Nguyên vọng của chị T là xin được nuôi dưỡng cháu T, còn cháu C đã trưởng thành, đang đi làm Công ty có thu nhập, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T xác định đề vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà anh Đỗ Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản ngày 14/8/2017, Công an xã T cho biết: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1976, địa chỉ tại thôn 1 P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã vắng mặt tại địa phương từ trước ngày 11/8/2017 không rõ thời điểm trở về và địa chỉ cư trú mới, khi đi không khai báo tạm vắng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhờ Công an xã hỗ trợ tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đối với anh T1; Công an xã đã tổng đạt cho anh T1 các văn bản trên vào ngày 29/7/2017, nhưng không rõ lý do tại sao anh T1 không đến làm việc mà lại bỏ đi vắng mặt tại địa phương.

Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân lập ngày 14/8/2017, đại diện UBND xã T cho biết: Anh Đỗ Văn T1 và chị Nguyễn Thị T có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 04/9/1997; Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 1 P, xã T; Quá trình chung sống thì anh T1 thường xuyên đi làm ăn xa tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; Năm 2014 tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, chị T có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó lại thấy rút đơn về đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn hay có mâu thuẫn, cãi vã, bới chửi nhau, chị T nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho anh T1, nhưng anh T1 không đến

Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, như vậy bị đơn đã tự từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa theo vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T1; Về con chung: giao cháu Đỗ Thị T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; riêng cháu Đỗ Thị C đã thành niên, nên không xem xét; Về tài sản: không xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T1, cư trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đỗ Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T1 tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/1997, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 sinh sống tại thôn 1 P thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2001 chị T và anh T1 vào miền Nam làm ăn thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng trong sinh hoạt và kinh tế. Đến năm 2007 vợ chồng về quê sinh sống nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện; Năm 2014 mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên căng thẳng, chị T đã đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, nhưng sau đó lại rút đơn vợ chồng về ở đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn mâu thuẫn, đến tháng 3 năm 2017 anh T1 đi ra Hà Nội làm ăn

thì mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, quá trình giải quyết vụ án chị T một mực xin được ly hôn, còn anh T thì không có thiện chí hàn gắn, nên xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

[3] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Thị C, sinh ngày 27/4/xxxx và cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 09/02/xxxx, hiện tại cả hai cháu C và T đều đang ở với chị T.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị T, thấy rằng: Cháu C đã thành niên (trên 18 tuổi), đang đi làm có thu nhập, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu T hiện đang ở ổn định với chị T, chị T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, trong khi anh T1 hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm về nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải giao cháu Đỗ Thị T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T hiện không có mặt tại địa phương, không có lời khai trong hồ sơ, còn Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T chưa có lời khai, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết về phần tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thơ,

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T1 có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Thị C, sinh ngày 27/4/xxxx và cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 09/02/xxxx, hiện tại cả hai cháu C và T đều đang ở với chị T. Giao cháu Đỗ Thị T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng cháu C đã thành niên, chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000628 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến